

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HS-PT

Ngày: 24-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoài

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 203/2022/TLPT-HS ngày 10/11/2022 đối với bị cáo Lê Hữu Ph cùng đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2022/HS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị cáo kháng cáo:**

1. **Lê Hữu Ph**, sinh năm 1994, tại: Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT: Số 10 Tổ 3, thôn PN, xã HT, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Y sỹ; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Lê Văn H, sinh năm: 1971; con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; vợ: Đặng Thị Tuyết L, sinh năm 1995, có 01 con sinh năm 2019; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. **Trần Thị Minh Th**, sinh năm 1982, tại: Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT: Số 151/5 thôn XS, xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao đài; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Điều dưỡng; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; con ông: Trần Minh Q, sinh năm: 1953; con bà: Nguyễn Thị Thuỳ V, sinh năm: 1955; chồng: Vũ Trần

Bảo D, sinh năm 1982 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2007; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. **Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr**, sinh năm 1985, tại: Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT: Số 8B/D22 đường ML, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Bác sỹ; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1960, con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1959; chồng: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2010; tiền án; tiền sự: không

Bị cáo tại ngoại. có mặt.

4. **Lê Thị Ng**, sinh năm 1981, tại: Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT: Căn 307, Khối A2, chung cư NQ, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Điều dưỡng; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; con ông: Lê Mạnh Th, sinh năm: 1942; con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm: 1942; chồng: Đặng Quốc Minh M, sinh năm 1981, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

5. **Đỗ Thị V**, sinh năm 1990, tại: Tuyên Quang; nơi ĐKKHKT: Số 35/3 đường NTN, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Y sỹ; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Đỗ Văn U (đã chết); con bà: Mai Thị S, sinh năm: 1956; chồng: Dương Văn H, sinh năm 1991, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

6. **Nguyễn Võ Phú C**, sinh năm: 1994, tại: Tiền Giang; nơi ĐKKHKT: Số 236 đường THT, Phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Y sỹ; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1957; con bà: Võ Thị Kh, sinh năm: 1957; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Phòng khám đa khoa Trung tâm thuộc Trung tâm Y tế Đà Lạt. Địa chỉ: Số 9 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Ngọc Tr, sinh năm: 1967; chức vụ: Trưởng Phòng khám đa khoa Trung tâm thuộc Trung tâm Y tế Đà Lạt. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có nhiều người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, vụ án không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hữu Ph, Trần Thị Minh Th, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, Lê Thị Ng, Nguyễn Võ Phú C, Đỗ Thị V làm việc tại Trung tâm y tế thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình làm việc tại đây, Ph, Th, Tr, Ng nhận thấy cách thức quản lý con dấu và tài liệu tại Phòng khám của Trung tâm y tế không chặt chẽ nên làm giả giấy khám sức khỏe cho nhiều người để thu lợi bất chính hoặc tạo mối quan hệ cá nhân. Riêng C và V biết Ph, Ng có thể làm giấy khám sức khỏe mà người khám không phải trực tiếp tham gia khám bệnh nên nhờ P, Ng làm giả giấy khám cho nhiều người để tạo quan hệ cá nhân.

Ngày 25/02/2021, Trung tâm y tế thành phố Đà Lạt tiếp nhận 02 hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép lái xe và phiếu khám sức khỏe của ông In Chấn Tài và ông Dương Cao Điền. Sau khi kiểm tra phát hiện có dấu hiệu giả mạo con dấu, chữ ký của các bác sĩ Phòng khám đa khoa – Trung tâm y tế Đà Lạt, bà Nguyễn Thị Tường Vi đại diện Trung tâm y tế thành phố Đà Lạt đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt trình báo. Cơ quan điều tra tiến hành thu thập 134 giấy khám sức khỏe nghi là giả gồm 115 giấy khám sức khỏe do Phòng khám đa khoa – Trung tâm y tế Đà Lạt cấp và 19 giấy khám sức khỏe do Phòng khám Phương Nam - Công ty cổ phần dịch vụ y tế Phương Nam cấp, đồng thời triệu tập các đối tượng lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng Lê Hữu Ph, Trần Thị Minh Th, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, Lê Thị Ng, Nguyễn Võ Phú C, Đỗ Thị V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Quá trình điều tra làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

1. Lê Hữu Ph: Từ tháng 04/2018 đến tháng 09/2020, trong quá trình làm y sỹ đa khoa tại Phòng khám Trung tâm y tế thành phố Đà Lạt, Phước sử dụng thủ đoạn: dùng con dấu (dấu tròn) của Phòng khám đa khoa – Trung tâm y tế Đà Lạt, điền số lưu trữ giả, giả chữ ký của các bác sĩ khám chuyên khoa và giả chữ ký bác sĩ kết luận, sau đó in kết quả xét nghiệm giả tại phòng khám. Đến tháng 10/2020, Phước được điều chuyển công tác về Trạm y tế Phường 1 – Thành phố Đà Lạt nên đặt làm giả 01 con dấu tròn của Phòng khám đa khoa Trung tâm y tế

thành phố Đà Lạt qua mạng internet để đóng dấu vào các giấy khám sức khỏe giả. Quá trình điều tra xác định Phước làm giả 30 giấy khám sức khỏe của những người sau: Nguyễn Văn Thanh Hoàng, Nguyễn Chí Quốc, Thái Văn Cường, Huỳnh Văn Thuận, Lâm Quang Hoàng Vũ, Hoàng Công Tịch, Lê Văn Len, Cao Quang Tuyên, Vũ Văn Doan, Nguyễn Thị Nhung, Lưu Văn Đệ, Nguyễn Dương Ngọc Tiên, Đặng Ngọc Quang, Nguyễn Thị Phương Giang, Trần Nguyễn Hữu Dũng, Lê Thị Hồng Thanh, Đặng Ngọc Bảo Trâm, Nguyễn Trần Thục Bình, Lương Minh Tú, Phạm Diệp Thùy Trang, Vũ Thị Kim Phượng, Trần Phước Thành, Bùi Khánh Vân, Nguyễn Thị Minh Hoa, Đoàn Thị Thùy Trang, Hoàng Thị Thúy, Nguyễn Thị Ngọc Quý, Phạm Thị Thanh, Nguyễn Thị Túy, Thân Vĩnh Thùy Hạnh. Mỗi giấy khám sức khỏe, Phước thu tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng, trong đó có 08 giấy khám sức khỏe Phước làm giúp cho Nguyễn Võ Phú C mà không thu tiền. Tổng số tiền Phước thu lợi bất chính là 9.050.000 đồng.

Sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, Phước đã tiêu hủy toàn bộ tang vật gồm: 01 dấu tròn giả của Phòng khám Trung tâm y tế thành phố Đà Lạt; 01 tờ mẫu chữ ký của các bác sỹ chuyên khoa (Võ Thành Ngữ, Nguyễn Văn Vinh, Lưu Thục Nhi, Nguyễn Thị Ngân Thương, Nguyễn Văn Khánh, Trịnh Đăng Tuấn, Lê Đăng Kiên, Nguyễn Thị Phương Thảo); mẫu chữ ký của bác sỹ kết luận là Phan Thị Ngọc Trâm nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Phước đã tự nguyện nộp lại số tiền 14.000.000 đồng thu lợi bất chính cho Cơ quan điều tra.

2. Trần Thị Minh Th: Đầu năm 2021, trong quá trình làm nhân viên điều dưỡng tại Phòng khám, Thùy sử dụng thủ đoạn: lấy mẫu giấy khám sức khỏe có sẵn để dán hình ảnh người khám rồi đóng dấu của Phòng khám đa khoa Trung tâm y tế thành phố Đà Lạt; điền số lưu trữ giả; giả chữ ký của bác sỹ trưởng phòng khám. Đối với mẫu xét nghiệm chuyên khoa, Thùy in tại cơ quan rồi đưa về nhà ở địa chỉ phòng 711 Lô B, chung cư Yersin, phường 9, thành phố Đà Lạt để Scan con dấu tròn của Phòng khám đa khoa.

Quá trình điều tra xác định Thùy một mình làm giả 09 giấy khám sức khỏe của Ngô Văn Nam, Hà Quốc Hùng, Dương Ngọc Phi, Phạm Văn Cương, Ngô Nhật Huy, Tân Trung San, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Hạnh, Phạm Thị Hòa và cùng Nguyễn Ngọc Thùy Trâm làm giả 31 giấy khám sức khỏe của Mai Thị Mỹ Dung, Phan Thị Phương Trang, Vũ Thị Ngọc, Trương Thị Huệ, Trần Thị Ngọc Hiền, Dương Thị Hoa, Nguyễn Thị Thủy, Trần Thị Xuân Thu, Trần Thị Minh Khuê, Phạm Hà Nhật Thúy, Phan Thị Viên, Bùi Thị Thời, Võ Thị Hiền, Ngô Thị Phương Hồng, Nguyễn Thị Kỳ, Vũ Thị Yến Khanh, Phan Thị Kim Huế, Nguyễn

Thị Lành, Huỳnh Thị Thu Nguyệt, Lèng Thị Thu Tâm, Nguyễn Thị Quy, Phạm Thị Hương, Trần Ngọc Thuyên, Mai Hoàng Thủy Tiên, Nguyễn Thị Thùy Dung, Trần Thị Kim Nga, Lê Phương Thùy Tâm, Nguyễn Thị Giang, Đỗ Thị Quyên, Phạm Thị Việt Hà, Lê Thị Hoài Tâm.

Trong 40 giấy khám sức khỏe làm giả nói trên, có 09 giấy khám sức khỏe Thùy tự làm để tạo mối quan hệ, không thu tiền, còn 31 giấy khám sức khỏe làm cùng với Trâm, Thùy thu mỗi giấy khám sức khỏe là 240.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 7.440.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 máy Scan – hiệu Brother – DCP-T710W, màu đen, số seri E7866G9H65634; Số tiền 7.820.000 đồng thu lợi bất chính do Thùy tự nguyện giao nộp.

3. Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr: Tháng 8/2020, bà Phạm Thị Hương là giáo viên trường Mầm non 9, thành phố Đà Lạt nhờ Trâm làm giấy khám sức khỏe cho 31 giáo viên của Trường gồm: Mai Thị Mỹ Dung, Phan Thị Phương Trang, Vũ Thị Ngọc, Trương Thị Huệ, Trần Thị Ngọc Hiền, Dương Thị Hoa, Nguyễn Thị Thủy, Trần Thị Xuân Thu, Trần Thị Minh Khuê, Phạm Hà Nhật Thúy, Phan Thị Viên, Bùi Thị Thời, Võ Thị Hiền, Ngô Thị Phương Hồng, Nguyễn Thị Kỳ, Vũ Thị Yến Khanh, Phan Thị Kim Huế, Nguyễn Thị Lành, Huỳnh Thị Thu Nguyệt, Lèng Thị Thu Tâm, Nguyễn Thị Quy, Phạm Thị Hương, Trần Ngọc Thuyên, Mai Hoàng Thủy Tiên, Nguyễn Thị Thùy Dung, Trần Thị Kim Nga, Lê Phương Thùy Tâm, Nguyễn Thị Giang, Đỗ Thị Quyên, Phạm Thị Việt Hà, Lê Thị Hoài Tâm, để bổ sung hồ sơ mà không phải trực tiếp tham gia khám. Trâm đồng ý và thỏa thuận thu mỗi giấy khám sức khỏe là 515.000 đồng, riêng bà Hương thì Trâm không thu tiền. Sau khi nhận hình ảnh và thông tin cá nhân của các giáo viên, Trâm giao lại cho Thùy làm giả 31 giấy khám sức khỏe cho các giáo viên với giá là 240.000 đồng mỗi giấy khám sức khỏe. Sau đó, Trâm điền số lưu trữ giả trên mẫu giấy khám sức khỏe rồi đưa lại cho bà Hương. Tổng số tiền Trâm thu lợi bất chính là 8.010.000 đồng. Trâm đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 8.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

4. Lê Thị Ng: Nguyên là nhân viên điều dưỡng tại Phòng khám đa khoa – Trung tâm y tế Đà Lạt từ năm 2005. Cuối năm 2020, Nguyên được Đỗ Thị V nhờ làm giấy khám sức khỏe cho 06 trường hợp gồm: Hà Thị Diệu Tiên; Nguyễn Thị Thu Hoà; Nguyễn Thị Bích Hồng; Nguyễn Thị Trang; Trần Thị Yến; Nguyễn Hữu Hoài Yên mà không tham gia khám bệnh. Do trong quá trình làm việc, Nguyên biết có sơ hở trong quản lý con dấu, tài liệu của Phòng khám nên Nguyên đồng ý giúp Đỗ Thị V làm giả bằng thủ đoạn: sử dụng con dấu (dấu tròn) của Phòng khám đa khoa – Trung tâm y tế Đà Lạt; điền số lưu trữ giả; giả chữ ký của

các bác sỹ khám chuyên khoa và giả chữ ký bác sỹ kết luận, sau đó in kết quả xét nghiệm giả tại phòng khám. Với thủ đoạn trên, Nguyễn đã làm 06 giấy khám sức khỏe giả rồi đưa cho Vân mà không lấy phí. Ngoài ra, trong thời gian này, Nguyễn còn làm giả giấy khám sức khỏe cho La Hùng Thanh và Ngô Văn Vũ mà không thu phí. Tổng số Nguyễn làm giả là 08 giấy khám sức khỏe.

5. Nguyễn Võ Phú C: Năm 2016, khi mới về nhận công tác tại Phòng khám đa khoa – Trung tâm y tế Đà Lạt, Nguyễn Võ Phú C biết Phòng khám có tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại đây được khám sức khỏe miễn phí cho thân nhân. Tháng 9/2020, người quen của Cường là ông Đặng Ngọc Quang, sinh năm 1961, địa chỉ: 15F1 Quang Trung, Phường 9, Đà Lạt, Lâm Đồng (chủ cơ sở Bún bò Cô Giang, địa chỉ: 15F1 Quang Trung, Phường 9, Đà Lạt) và bà Nguyễn Trần Thục Bình, địa chỉ: 34/7 Bùi Thị Xuân, Phường 2, Đà Lạt, Lâm Đồng (chủ cơ sở ăn uống Lá chuối, địa chỉ: 09 Trần Phú, Phường 3, Đà Lạt) có nhờ Cường làm giúp tất cả là 08 giấy khám sức khỏe để bổ sung hồ sơ cho cơ sở đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật. Cường đồng ý và liên hệ với Lê Hữu Ph nhờ làm giúp 08 giấy khám sức khỏe mà người khám không trực tiếp tham gia khám thì Phước đồng ý. Cường gửi cho Phước hình ảnh và thông tin cá nhân của 08 nhân viên thuộc 02 cơ sở ăn uống trên. Sau đó một ngày, Cường nhận được 08 giấy khám sức khỏe do Phước đưa rồi Cường đưa cho ông Quang và bà Bình. Cường không thu phí khám sức khỏe của 08 trường hợp này.

6. Đỗ Thị V: Từ năm 2012 – 2016, khi còn công tác tại Phòng khám đa khoa – Trung tâm y tế Đà Lạt, Vân biết Phòng khám có tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại đây được khám sức khỏe miễn phí cho thân nhân. Khoảng cuối năm 2020, Vân được người quen là bà Hà Thị Diệu Tiên nhờ làm giúp 03 giấy khám sức khỏe cho nhân viên cơ sở “Nhóm trẻ Mai Vàng” mà không phải tham gia khám trực tiếp để bổ sung hồ sơ cho cơ sở đủ điều kiện hoạt động thì Vân đồng ý. Đồng thời, Vân được những người quen khác là bà Nguyễn Thị Trang, Nguyễn Hữu Hoài Yên, Trần Thị Yến nhờ Vân làm giúp giấy khám sức khỏe cũng không tham gia khám trực tiếp. Vân đồng ý rồi nhờ Lê Thị Ng làm giấy khám sức khỏe cho 06 người gồm: Hà Thị Diệu Tiên, Nguyễn Thị Thu Hoà, Nguyễn Thị Bích Hồng, Nguyễn Thị Trang, Trần Thị Yến, Nguyễn Hữu Hoài Yên. Vân nhận hình ảnh và thông tin cá nhân của 06 người này rồi gửi cho Nguyễn. Khoảng 04 ngày sau, Nguyễn đưa lại cho Vân 06 giấy khám sức khỏe giả rồi Vân đưa lại cho các chị Tiên, Trang, Yên và Yến. Vân không thu phí khám sức khỏe của 06 trường hợp này.

Tại kết luận giám định số 459/GĐ-PC09 ngày 28/6/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định:

- Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRUNG TÂM * TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT T. LÂM ĐỒNG” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với hình dấu mẫu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRUNG TÂM * TRUNG TÂM Y TẾ TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A3 đến A20, A25, A27, A29, A31, A33, A34, A35, A37 A38, A39, A41, A45, A49, A53, A57, A61, A65, A66, A67, A69 so với hình dấu mẫu có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4 là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRUNG TÂM * TRUNG TÂM Y TẾ » TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A21 đến A24, A26, A28, A30, A32, A36, A40, A42, A43, A44, A46, A47, A50, A51, A52, A54, A58, A59, A60, A62, A63, A64, A68. A70 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang họ tên Trịnh Đăng Tuấn trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A15, A17, A19, A31 so với chữ ký của Trịnh Đăng Tuấn trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Lưu Thục Nhi trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A3, A7, A11, A15, A17, A19, A21, A23, A25, A27, A29, A31, A33, A37, A41, A45, A49, A53, A57, A61, A65, A69 so với chữ ký của Lưu Thục Nhi trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Nguyễn Thị Ngân Thương trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A19, từ A21 đến A33, A37, từ A41 đến A60, từ A61 đến A65, A69, A70 so với chữ ký của Nguyễn Thị Ngân Thương trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Nguyễn Văn Vinh trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A3, A7, A11, A15, A17, A19, A20, A25, A20, A29, A31, từ A33 đến A41, A45, A49, A53, A57, A61, từ A65 đến A69 so với chữ ký của Nguyễn Văn Vinh trên mẫu So sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Nguyễn Văn Khánh trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A21, A23 so với chữ ký của Nguyễn Văn Khánh trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Võ Thành Ngữ trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A3, A4, A7, A10, A11, A14, A15, A17, A33, A36, A40, A42, A48, A50, A56, A58, A62, A65, A68 so với chữ ký của Võ Thành Ngữ trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, từ M19 đến M29 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Phan Thị Ngọc Trâm trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A19, A21, A23, A25, A27, A29, A31, A37, A41, A45, A49, A53, A57, A61, A69 so với chữ ký của Phan Thị Ngọc Trâm trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5, M7, M9, M12, M14 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Nguyễn Thị Phương Thảo trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, từ A5 đến A9, A11, A12, A13, từ A15 đến A35, A37, A38, A39, A41, từ A43 đến A47, A49, từ A51 đến A55, A57, A59, A60, A61, từ A63 đến A67, A69, A70 so với chữ ký của Nguyễn Thị Phương Thảo trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, từ M30 đến M49 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Lê Đăng Kiên trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A3, A7, A11, A15, A17, A19, A21, A23, A25, A27, A29, A31, A33, A37, A41, A45, A49, A53, A61, A65, A69 so với chữ ký của Lê Đăng Kiên trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, từ M5 đến M18 không phải do cùng một người ký ra.

Tại kết luận giám định số 1129/GĐ-PC09 ngày 10/9/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định:

- Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRUNG TÂM * TRUNG TÂM Y TẾ * TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5; A8; A9; A11; từ A13 đến A29; A32; A33; A36; A37; A40; A41; A43; A45; A47; A49; A52; A53; A56; A57; A60; A61; A63; A65; A67; từ A69 đến A91; từ A93 đến A117; A119; A121; A123; A125; A127; A129; A131; A133; A136; A137; A139; A141; A143; A187; A191; A195; A199; A203; A207; A211; A215; A217; A218; A219; A223; A235; A239; A243; A247; A251; A255; A259; A263; A267; A271; A275; A279; A283; A287; A291; A295; A299; A303; A307; A311; A315; A319; A323; A327; A331 so với hình dấu mẫu có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4 là do cùng một con dấu đóng ra. - Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRUNG TÂM * TRUNG TÂM Y TẾ * TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A142; từ A144 đến A152 so với hình dấu mẫu có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRUNG TÂM * TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT T. LÂM ĐỒNG” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A153 đến A186 so với hình dấu mẫu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRUNG TÂM * TRUNG TÂM Y TẾ * TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A188; A189; A190; A192; A193; A194; A196; A197; A198; A200;

A201; A202; A204; A205; A206; A208; A209; A210; A212; A213; A214; A216; A220; A221; A222; A224; A225; A226; A228; A229; A230; A232; A233; A234; A236; A237; A238; A240; A241; A242; A244; A245; A246; A248; A249; A250; A252; A253; A254; A256; A257; A258; A260; A261; A262; A264; A265; A266; A268; A269; A270; A272; A273; A274; A276; A277; A278; A280; A281; A282; A284; A285; A286; A288; A289; A290; A292; A293; A294; A296; A297; A298; A300; A301; A302; A304; A305; A306; A308; A309; A310; A312; A313; A314; A316; A317; A318; A320; A321; A322; A324; A325; A326; A328; A329; A330; A332; A333; A334 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang họ tên Trịnh Đăng Tuấn trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A141; A143; A145; A147; A149; A151; A153; A155; A157 so với chữ ký của Trịnh Đăng Tuấn trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Lưu Thục Nhi trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1; A5; A9; A13; A17; A21; A25; A29; A33; A37; A41; A45; A49; A53; A57; A61; A65; A69; A73; A77; A81; A85; A89; A93; A97; A101; A105; A109; A113; A117; A121; A125; A129; A133; A137; A141; A143; A145; A147; A149; A151; A153; A155; A157; A159; A163; A167; A171; A175; A179; A183; A187; A191; A195; A199; A203; A207; A211; A215; A219; A223; A227; A231; A235; A239; A243; A247; A251; A255; A259; A263; A267; A271; A275; A279; A283; A287; A291; A295; A299; A303; A307; A311; A315; A319; A323; A327; A331 so với chữ ký của Lưu Thục Nhi trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Nguyễn Thị Ngân Thương trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A191; A195; từ A199 đến A334 so với chữ ký của Nguyễn Thị Ngân Thương trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Nguyễn Văn Vinh trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1; A5; A9; A13; A17; A21; A25; A29; A33; A37; A41; A45; A49; A53; A57; A61; A65; A69; A73; A77; A81; A85; A89; A93; A97; A101; A105; A109; A113; A117; A121; A125; A129; A133; A137; A159; A163; A167; A171; A175; A179; A183; A187; từ A191 đến A199; A203; A207; A211; A215; A219; A223; A227; A231; A235; A239; A243; A247; A251; A255; A259; A263; A267; A271; A275; A279; A283; A287; A291; A295; A299; A303; A307; A311; A315; A319; A323; A327; A331 so với chữ ký của Nguyễn Văn Vinh trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Nguyễn Văn Khánh trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A5; A9; A29; A33; A37; A41; A45; A49; A53; A57; A61; A65; A69; A73; A77; A81; A85; A89; A93; A97; A101; A105; A108; A111; A115; A119; A123; A127; A131; A134; A137; A141; A143; A145; A147; A149; A151; A153; A155; A157; A159; A163; A167; A171; A175; A179; A183 so với chữ ký của Nguyễn Văn Khánh trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Võ Thành Ngữ trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1; A2; A6; A10; A13; A14; A17; A18; A21; A22; A25; A26; A30; A34; A38; A42; A46; A50; A54; A58; A62; A66; A70; A74; A78; A82; A90; A93; A94; A97; A98; A101; A102; A105; A106; A109; A110; A113; A114; A118; A122; A126; A130; A134; A138; A141; A145; A147; A149; A151; A160; A164; A167; A168; A171; A172; A175; A176; A179; A180; A183; A184; A188; A192; A196; A200; A204; A208; A212; A215; A216; A220; A224; A228; A232; A236; A240; A244; A248; A252; A256; A260; A264; A268; A272; A276; A280; A284; A288; A292; A296; A300; A304; A308; A312; A316; A320; A324; A328; A332 so với chữ ký của Võ Thành Ngữ trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Nguyễn Thị Phương Thảo trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1; A3; A4; A5; A7; A8; A9; A11; A13; A14; A15; A17; A18; A19; A21; A23; A24; A25; A27; A28; A29; A31; A32; A33; A35; A36; A37; A39; A40; A41; A43; A44; A45; A47; A48; A49; A51; A52; A53; A55; A56; A57; A59; A60; A61; A63; A64; A65; A67; A68; A69; A71; A72; A73; A75; A76; A77; A79; A80; A81; A83; A84; A85; A87; A89; A91; A92; A93; A95; A96; A97; A99; A100; A101; A103; A104; A105; A107; A108; A109; A111; A112; A113; A115; A116; A117; A119; A120; A121; A123; A124; A125; A127; A128; A129; A131; A132; A133; A135; A136; A137; A139- A159; A161; A162; A163; A166; A167; A169; A170; A171; A173; A174; A175; A177; A178; A179; A181; A182; A183; A185; A186; A187; A189; A190; A191; A193; A194; A195; A197; A198; A199; A201; A202; A203; A205; A206; A207; A209; A210; A211; A213; A214; A215; A217; A218; A219; A221; A222; A223; A225; A226; A227; A229; A230; A231; A233; A234; A235; A237; A238; A239; A241; A242; A243; A245; A246; A247; A249; A250; A251; A253; A254; A255; A257; A258; A259; A261; A262; A263; A265; A266; A267; A269; A270; A271; A273; A274; A275; A277; A278; A279; A281; A282; A283; A285; A286; A287; A289; A290; A291; A293; A294; A295; A297; A298; A299; A301; A302; A303; A305; A306; A307; A309; A310; A311; A313; A314; A315; A317; A318; A319; A321; A322; A323;

A325; A326; A327; A329; A330; A331; A333; A334 so với ký hiệu của Nguyễn Thị Phương Thảo trên mẫu tài liệu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Phan Thị Ngọc Trâm trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A5; A9; A29; A33; A37; A41; A45; A49; A53; A57; A61; A65; A69; A73; A77; A81; A85; A89; A117; A121; A125; A129; A133; A137; A143; A153; A155; A157; A159; A163; A187; A191; A195; A199; A203; A207; A211; A219; A223; A227; A231; A235; A239; A243; A247; A251; A255; A259; A263; A267; A271; A275; A279; A283; A287; A291; A295; A299; A303; A307; A311; A315; A319; A323; A327; A331 so với chữ ký của Phan Thị Ngọc Trâm trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang họ tên Lê Đăng Kiên trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1; A5; A9; A13; A17; A21; A25; A29; A33; A37; A41; A45; A49; A53; A57; A61; A65; A69; A73; A77; A81; A85; A89; A93; A97; A101; A105; A109; A113; A117; A121; A125; A129; A133; A137; A141; A143; A145; A147; A149; A151; A153; A155; A157; A159; A163; A167; A171; A175; A179; A183; A187; A191; A195; A199; A203; A207; A211; A215; A219; A223; A227; A231; A235; A239; A243; A247; A251; A255; A259; A263; A267; A271; A275; A279; A283; A287; A291; A295; A299; A303; A307; A311; A315; A319; A323; A327; A331 so với chữ ký của Lê Đăng Kiên trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

Tại bản cáo trạng số 158/CT-VKSĐL-LĐ ngày 24/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Lê Hữu Ph về tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Trần Thị Minh Th, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, Lê Thị Ng, Đỗ Thị V, Nguyễn Võ Phú C về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2022/HS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử;

Tuyên bố bị cáo Lê Hữu Ph phạm tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức*”; các bị cáo Trần Thị Minh Th, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, Lê Thị Ng, Đỗ Thị V, Nguyễn Võ Phú C phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hữu Ph 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù kể từ bắt giam để thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Minh Th 04 (*bốn*) năm tù, thời hạn tù kể từ bắt giam để thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr 04 (*bốn*) năm tù, thời hạn tù kể từ bắt giam để thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr nộp số tiền thu lợi bất chính là 10.000^d (*Mười nghìn đồng*) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Ng 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù kể từ bắt giam để thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị V 03 (*ba*) năm tù, thời hạn tù kể từ bắt giam để thi hành án

- Áp dụng khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Võ Phú C 03 (*ba*) năm tù, thời hạn tù kể từ bắt giam để thi hành án.

- Áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Lê Hữu Ph số tiền 15.000.000^d (*Mười lăm triệu đồng*); phạt bổ sung bị cáo Trần Thị Minh Th số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*); phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2022, các bị cáo kháng cáo; bị cáo Vân kháng cáo xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ; các bị cáo Trâm, Cường, Phước kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo; các bị cáo Nguyễn, Thuỳ xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không thắc mắc, khiếu nại nội dung bản án sơ thẩm, khai nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã xét xử; đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu Ph, Trần Thị Minh Th, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, Lê Thị Ng; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Võ Phú C, Đỗ Thị V, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo Cường, Vân hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như bản án sơ thẩm quy kết. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo thống nhất với nhau, thống nhất lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực nhận thức, trong thời gian thực hiện tội phạm các bị cáo đều đang công tác trong ngành y tế và biết rõ quy trình, thủ tục cấp giấy chứng nhận sức khỏe cho cá nhân có nhu cầu sử dụng trong việc bổ túc hồ sơ. Tuy nhiên, các bị cáo Lê Hữu Ph, Trần Thị Minh Th, Lê Thị Ng nhận thấy cách thức quản lý con dấu và tài liệu tại Phòng khám đa khoa của Trung tâm y tế không chặt chẽ nên đã dùng thủ đoạn: sử dụng con dấu (dấu tròn) của Phòng khám đa khoa – Trung tâm y tế Đà Lạt; điền số lưu trữ giả; giả chữ ký của các bác sỹ khám chuyên khoa và giả chữ ký bác sỹ kết luận để làm giả giấy khám sức khỏe cho nhiều người để thu lợi bất chính hoặc tạo mối quan hệ cá nhân. Các bị cáo Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, Nguyễn Võ Phú C và Lê Thị Vân biết Phước, Nguyên có thể làm giấy khám sức khỏe mà người khám không phải trực tiếp tham gia khám bệnh nên nhờ Phước, Nguyên làm giả giấy khám cho nhiều người để tạo quan hệ cá nhân.

Đến tháng 10/2020, Phước được điều chuyển công tác về Trạm y tế Phường 1, thành phố Đà Lạt nên bị cáo đã đặt làm giả 01 con dấu tròn của Phòng khám đa khoa Trung tâm y tế thành phố Đà Lạt qua mạng internet và sử dụng để đóng dấu vào các giấy khám sức khỏe giả.

Quá trình điều tra xác định được:

- Lê Hữu Ph làm giả 30 giấy khám sức khỏe cho những người có nhu cầu, thu lợi bất chính số tiền 9.050.000 đồng.

- Trần Thị Minh Th làm giả 40 giấy khám sức khỏe cho những người có nhu cầu, thu lợi bất chính số tiền 7.440.000 đồng.

- Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr nhận làm giả 31 giấy khám sức khỏe cho những người có nhu cầu, sau đó Trâm giao lại cho Thùy trực tiếp làm, Trâm thu lợi bất chính số tiền 8.010.000 đồng.

- Lê Thị Ng làm giả 08 giấy khám sức khỏe cho những người quen biết có nhu cầu, không thu lợi bất chính.

- Nguyễn Võ Phú C nhận làm giả 08 giấy khám sức khỏe cho những người quen biết có nhu cầu, sau đó Cường nhờ Phước trực tiếp làm, Cường không thu lợi bất chính.

- Đỗ Thị V nhận làm giả 06 giấy khám sức khỏe cho những người quen biết có nhu cầu, sau đó Trâm nhờ Nguyên trực tiếp làm, Vân không thu lợi bất chính.

Tại kết luận giám định số 459/GĐ-PC09 ngày 28/6/2021 và kết luận giám định số 1129/GĐ-PC09 ngày 10/9/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định:

- Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRUNG TÂM * TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT T. LÂM ĐỒNG” trên các giấy khám sức khỏe là con dấu giả và được tạo ra bằng phương pháp in màu; các chữ ký mang tên Trịnh Đăng Tuấn, Lưu Thực Nhi, Nguyễn Thị Ngân Thương, Nguyễn Văn Vinh, Nguyễn Văn Khánh, Võ Thành Ngũ, Nguyễn Thị Phương Thảo, Phan Thị Ngọc Trâm, Lê Đăng Kiên là chữ ký giả mạo.

Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử Lê Hữu Ph phạm tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức*” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; tuyên xử các bị cáo Trần Thị Minh Th, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, Lê Thị Ng, Đỗ Thị V, Nguyễn Võ Phú C phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy rằng; Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo cùng có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo. Các bị cáo Lê Thị Ng, Đỗ Thị V là phụ nữ đang mang thai nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Nguyên và Vân. Bị cáo Lê Thị Ng được Bộ trưởng Bộ y tế tặng 01 kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân, có bố được Nhà nước tặng 01 huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr có mẹ được nhà nước tặng 01 huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba; bị cáo Trần Thị Minh Th có cha và mẹ được nhà nước tặng huân chương kháng chiến; bị cáo Nguyễn Võ Phú C có cha được Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng ba, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Thùy, Trâm, Nguyên, Cường, xem xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, phân hoá vai trò

đồng phạm để xử phạt bị cáo Lê Hữu Ph 04 (*bốn*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, xử phạt các bị cáo Trần Thị Minh Th, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr 04 (*bốn*) năm tù, xử phạt bị cáo Lê Thị Ng 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, xử phạt các bị cáo Đỗ Thị V, Nguyễn Võ Phú C 03 (*ba*) năm tù là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, xuất trình xác nhận của cơ quan chức năng có thành tích trong việc phòng chống dịch Covid-19; các bị cáo Lê Hữu Ph, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr đã nộp phạt bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Hữu Ph, Trần Thị Minh Th, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, Lê Thị Ng, hình phạt đã tuyên đủ tác dụng giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu Ph, Trần Thị Minh Th, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, Lê Thị Ng, giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã xét xử là phù hợp. Đối với các bị cáo Nguyễn Võ Phú C, Đỗ Thị V phạm tội nhưng không thu lợi bất chính vì quen biết nên mới nhờ các bị cáo khác làm giả giấy khám sức khỏe với số lượng ít nhất, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vân, Cường, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo Vân, Cường hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là phù hợp.

[5] Về án phí: Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu Ph, Trần Thị Minh Th, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, Lê Thị Ng; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thị V, Nguyễn Võ Phú C; sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Lê Hữu Ph phạm tội: *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức”*; các bị cáo Trần Thị Minh Th, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, Lê Thị Ng, Đỗ Thị V, Nguyễn Võ Phú C phạm tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”*.

- Áp dụng áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hữu Ph 04 (*bốn*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam để thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Minh Th 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam để thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam để thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr nộp số tiền thu lợi bất chính là 10.000^d (Mười nghìn đồng) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước (bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000790 ngày 05/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt)

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Ng 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam để thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị V 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (24/4/2023).

- Áp dụng khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Võ Phú C 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (24/4/2023).

Giao bị cáo Đỗ Thị V cho Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Giao bị cáo Nguyễn Võ Phú C cho Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án có sự thay đổi nơi cư trú thì việc Thi hành án thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Lê Hữu Ph số tiền 15.000.000^d (Mười lăm triệu đồng); phạt bổ sung bị cáo Trần Thị Minh Th số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng); phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng). (bị cáo Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr đã nộp phạt theo Biên lai thu tiền số 0000790 ngày 05/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt; bị cáo Lê Hữu Ph đã

nộp phạt theo Biên lai thu tiền số 0000791 ngày 05/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Hữu Ph, Trần Thị Minh Th, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr, Lê Thị Ng, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND thành phố Đà Lạt (02);
- VKSND thành phố Đà Lạt (01);
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Đà Lạt (01);
- Cơ quan THAHS thành phố Đà Lạt (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (02);
- Hồ sơ THAHS (03);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Duy Hoài